

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN E  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 12/07/2024.

*“V/v: Kiện không công nhận là vợ chồng”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Hữu Linh

2. Bà Phạm Thị Thùy Dung

**- Thư ký phiên toà:** Ông Hoàng Công Đức - Cán bộ Toà án nhân dân huyện E.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện E:** Ông Phạm Công Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024 tại phòng xử án - Toà án nhân dân huyện E, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 184/2024/TLST-HNGĐ ngày 15/05/2024, về việc “Kiện không công nhận là vợ chồng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26/6/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nông Văn Nh, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn B, xã W, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Nông Thị C, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn B, xã W, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/03/2024 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn Ông Nông Văn Nh trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nông Văn Nh và Bà Nông Thị C chung sống với nhau từ năm 1995 trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà C có tình cảm với người khác bên ngoài, mặc dù ông Nh đã khuyên can nhưng bà C không thay đổi. Ông Nh và bà C đã không chung sống với nhau từ năm 2022 đến nay. Hiện nay ông Nh cảm thấy không còn tình cảm với bà C nên ông Nh yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng với Bà Nông Thị C.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông Nh và bà C có 02 con chung là: Nông Thị O - Sinh ngày: 10/4/1997 và Nông Đức Th - Sinh ngày: 04/04/1999;

Nếu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng, các con chung đã

trưởng thành và phát triển bình thường nên ông Nh không có yêu cầu gì về nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Ông Nông Văn Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án, Bà Nông Thị C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân, con chung đúng như ông Nh đã trình bày. Trong quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì giữa bà C và ông Nh xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm dẫn đến cãi vã nhau. Bà C và ông Nh đã không chung sống với nhau từ năm 2022 đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà C đồng ý yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng của Ông Nông Văn Nh.

Về con chung: Do các con chung đã trưởng thành nên bà C không yêu cầu về việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Phát biểu của Kiểm sát viên:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu chứng cứ, Tòa án đã thu thập đầy đủ và đúng trình tự theo quy định pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện việc Ông Nông Văn Nh khởi kiện yêu cầu không công nhận là vợ chồng là đúng quy định pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 53; Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nông Văn Nh về việc không công nhận là vợ chồng với Bà Nông Thị C.

Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên không đề cập xem xét về việc nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu nên không đề cập xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc Tòa án huyện E thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Bà Nông Thị C có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các bên.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nông Văn Nh và Bà Nông Thị C chung sống với nhau từ năm 1995 trên cơ sở tự nguyện nhưng ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống với nhau xảy ra mâu thuẫn nên ông Nh yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông Nh và bà C là vợ chồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông Nông Văn Nh và Bà Nông Thị C tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống, ông Nh và bà C có 02 con chung nhưng không có đăng ký kết hôn nên không được coi là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu không công nhận vợ chồng của Ông Nông Văn Nh là phù hợp với Điều 53 Luật hôn nhân & gia đình, nên cần chấp nhận.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống Ông Nông Văn Nh và Bà Nông Thị C có hai người con chung là Nông Thị O - Sinh ngày: 10/4/1997 và Nông Đức Th - Sinh ngày: 04/04/1999.

Các con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường, các bên không có yêu cầu gì nên không đề cập xem xét, giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

[3] Về án phí: Cần buộc Ông Nông Văn Nh phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39; khoản 4 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Nông Văn Nh. Không công nhận Ông Nông Văn Nh và Bà Nông Thị C là vợ chồng.

**Về con chung:** Các con chung đã trưởng thành nên không đề cập xem xét, giải quyết.

**Về tài sản chung và công nợ:** Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông Nông Văn Nh phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, theo biên lai số 0002066 ngày 10/5/2024.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ông Nông Văn Nh, bị đơn Bà Nông Thị C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện E;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS huyện E;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
Đã ký tên, đóng dấu

**Nguyễn Thị Bích Thủy**